

Kinh tế và Dự báo



Economy &
Forecast
Review

12/2022
Số 36

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

ISSN 1859-4972

Các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ số lạm phát của Việt Nam: Phân tích sử dụng mô hình VECM



Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

MỤC LỤC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tổng Biên tập

ThS. NGUYỄN LỆ THỦY

Phó Tổng Biên tập

ThS. ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

Hội đồng Biên tập

TS. CAO VIẾT SINH

PGS, TS. LÊ QUỐC LÝ

PGS, TS. BÙI TẮT THẮNG

TS. NGUYỄN ĐÌNH CUNG

PGS, TS. NGUYỄN HỒNG SƠN

GS, TS. TRẦN THỌ ĐẠT

PGS, TS. TRẦN ĐÌNH THIÊN

PGS, TS. NGUYỄN ĐÌNH THỌ

PGS, TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG

TS. VƯƠNG QUÂN HOÀNG

PGS, TS. LÊ XUÂN ĐÌNH

PGS, TS. TRẦN TRỌNG NGUYỄN

Tòa soạn và trị sự

65 Văn Miếu - Đống Đa - Hà Nội

Tel: 080.43174 / 080.44474

Fax: 024.3747.3357

Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn

Tạp chí điện tử

<http://kinhtevadubao.vn>

Quảng cáo và phát hành

Tel: 080.48310 / 0983 720 868

Qua mạng lưới Bưu điện Việt Nam

Giấy phép xuất bản: 115/GP-BTTTT

In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

Giá 25.000 đồng

Trần Thị Huyền Lan: Ngưỡng chi tiêu công tối ưu cho các vùng kinh tế Việt Nam.....	3
Nguyễn Thế Lâm: Các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ số lạm phát của Việt Nam: Phân tích sử dụng mô hình VECM	7
Nguyễn Thu Hằng: Sự tác động của các yếu tố vĩ mô đến thị giá cổ phiếu các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam giai đoạn 2016-2020.....	11
Đào Thị Hồ Hương, Nguyễn Thị Kim Chung: Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp VN30 trên thị trường chứng khoán Việt Nam.....	15
Nguyễn Văn Tiến, Hồ Ngọc Thạch, Phước Minh Hiệp: Các nhân tố ảnh hưởng đến lòng trung thành của khách hàng với dịch vụ Bệnh viện Hoàn Mỹ, tỉnh Cà Mau	20
Nguyễn Thị Thúy: Các yếu tố ảnh hưởng đến ý định tiêu dùng xanh của người dân trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	24
Phạm Hoàng Hiến, Đặng Kim Ngân: Yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn điểm đến đối với ngành du lịch tỉnh Bình Dương trong điều kiện bình thường mới.....	29
Nguyễn Hồng Hà, Phạm Văn Tuấn: Đánh giá sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ công tại Kho bạc Nhà nước Bến Tre33	
Nguyễn Hữu Nhuận, Nguyễn Thị Thu Huyền, Nguyễn Thị Huyền Trang, Hà Thị Hồng Yến: Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến nhu cầu cơ bản của hộ nghèo do phụ nữ làm chủ trên địa bàn thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	37
Nguyễn Thị Thu Thương: Các yếu tố ảnh hưởng đến sử dụng dịch vụ y tế công và tư tại vùng Trung du miền núi phía Bắc Việt Nam	41
Phan Phong Vũ: Các yếu tố ảnh hưởng tới sự trung thành của khách hàng đối với dịch vụ của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ - kỹ thuật Tiên Tiến	45
Nguyễn Bảo Lâm, Đỗ Duy Trọng: Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định mua phần mềm kế toán của các doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh.....	49
Nguyễn Thanh Trang, Vũ Thị Việt Thanh: Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp siêu nhỏ trên địa bàn TP. Hà Nội trong bối cảnh chuyển đổi số.....	53
Nguyễn Nguyên Phương, Nguyễn Trọng Xuân: Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển nguồn nhân lực giảng dạy ngoại ngữ của một số trường đại học công lập tại TP. Hồ Chí Minh.....	57
Phạm Quang Vinh: Nghiên cứu sự tác động của giá trị thương hiệu đến năng lực cạnh tranh thương hiệu của các trường đại học tại TP. Hồ Chí Minh.....	61
Đỗ Đình Thanh, Lê Như Hải: Những yếu tố ảnh hưởng đến ý định mua hàng online của Gen Z ở TP. Hồ Chí Minh	65
Nguyễn Thị Phương Thảo, Lê Thị Thúy, Lò Thị Trung Thu, Đào Thị Hoài, Hà Thị Trang: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự gắn kết của sinh viên khoa Kinh tế - Trường Đại học Tây Bắc	69
Vũ Thị Bích Ngọc: Đánh giá thực trạng làm việc không phù hợp với trình độ và chuyên môn của người tốt nghiệp đại học tại Việt Nam	73
Phạm Thị Nguyệt: Đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi chia sẻ tri thức của người lao động trong các doanh nghiệp khai thác than.....	77
Nguyễn Thị Loan, Lê Văn Sang: Sự hài lòng của người dân đối với chất lượng dịch vụ hành chính công: Nghiên cứu tình huống tại UBND xã Vạn Hòa, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.....	81
Vũ Thúy Nga, Ngô Hồng Phương Anh: Đánh giá nhu cầu đào tạo, chuyển giao kỹ thuật của trạm y tế xã, phường nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế cơ sở giai đoạn 2019-2025	85

Kinh tế và Dự báo

ECONOMY AND FORECAST REVIEW

MỤC LỤC

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tổng Biên tập

ThS. NGUYỄN LÊ THỦY

Phó Tổng Biên tập

ThS. ĐỖ THỊ PHƯƠNG LAN

Hội đồng Biên tập

TS. CAO VIẾT SINH

PGS, TS. LÊ QUỐC LÝ

PGS, TS. BÙI TẮT THẮNG

TS. NGUYỄN ĐÌNH CUNG

PGS, TS. NGUYỄN HỒNG SƠN

GS, TS. TRẦN THỌ ĐẠT

PGS, TS. TRẦN ĐÌNH THIÊN

PGS, TS. NGUYỄN ĐÌNH THỌ

PGS, TS. NGUYỄN TIẾN DŨNG

TS. VƯƠNG QUÂN HOÀNG

PGS, TS. LÊ XUÂN ĐÌNH

PGS, TS. TRẦN TRỌNG NGUYỄN

Tòa soạn và trị sự

65 Văn Miếu - Đống Đa - Hà Nội

Tel: 080.43174 / 080.44474

Fax: 024.3747.3357

Email: kinhtedubao@mpi.gov.vn

Tạp chí điện tử

<http://kinhtevadubao.vn>

Quảng cáo và phát hành

Tel: 080.48310 / 0983 720 868

Qua mạng lưới Bưu điện Việt Nam

Giấy phép xuất bản: 115/GP-BTTTT

In tại: Công ty CP in Công đoàn Việt Nam

Giá 25.000 đồng

Lê Chí Phương, Lê Thị Trúc Phương, Nguyễn Danh Nam: Đánh giá năng lực làm việc của nhân viên tại các DNNVV trên địa bàn TP. Hà Nội	89
Phan Thị Thu Hiền: Ảnh hưởng của trách nhiệm xã hội tới hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp du lịch lữ hành Việt Nam	93
Nguyễn Ngọc Khánh Linh, Nguyễn Thị Liên Hương: Tác động của đòn bẩy tài chính đến hiệu quả tài chính tại các doanh nghiệp niêm yết Việt Nam ngành thực phẩm và đồ uống	97
Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Hoài Nam: Tác động của thu hút FDI trong lĩnh vực năng lượng tái tạo đến môi trường Việt Nam và một số đề xuất chính sách.....	101
Phạm Thị Uyên Thi, Hồ Diệu Khánh, Huỳnh Tịnh Cát, Võ Thị Thanh Thương: Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của khách hàng về dịch vụ ngân hàng điện tử tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn TP. Đà Nẵng.....	106
Nguyễn Thị Thanh Xuân, Lê Thị Thư: Giải pháp nâng cao sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh tại Phòng khám đa khoa 360 Lê Hoàn	110
Trần Phi Long, Phạm Trọng Nghĩa, Nguyễn Đình Long, Quách Đức Thịnh, Nguyễn Thị Hiền Anh, Nguyễn Tuệ Đức: Các yếu tố ảnh hưởng đến chính sách cổ tức: Thực nghiệm từ ngành nguyên vật liệu Việt Nam	114
Trần Ngọc Tú: Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua BHXH tự nguyện của người dân trên huyện đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận	118
Nguyễn Minh Thành: Lý thuyết người đại diện: Ứng dụng trong các nghiên cứu kế toán quản trị.....	122
Thippaphavanh Southammavong, Oudomphone Sivongsa: Nghiên cứu các chỉ tiêu đánh giá phát triển ngành sản xuất điện của CHDCND Lào theo hướng bền vững	126
Trần Hương Giang: Nghiên cứu phương pháp tương tác đa chiều trong giảng dạy học phần kỹ năng làm việc nhóm nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy	130
Dương Thúy Hà: Đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng tới hành vi chuyển đổi sử dụng dịch vụ của khách hàng cá nhân tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	134
Nguyễn Thị Thu: Tác động của đô thị hóa đến đời sống của hộ gia đình người dân tộc thiểu số ở vùng biên giới Việt - Trung: Nghiên cứu tại TP. Lào Cai	138
Hồ Diệu Khánh, Đặng Thanh Dũng: Nghiên cứu sự hài lòng của nhân viên đối với hoạt động đào tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn TP. Đà Nẵng.....	142
Lê Vũ Toàn, Trần Văn Bình: Tác động của môi trường thể chế đến thành công của doanh nghiệp khởi nghiệp: Mô hình nghiên cứu đề xuất.....	146
Hồ Thị Hoàng Lương, Ngô Văn Chung, Lê Thị Hồng Ngọc: Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu dùng xanh của người dân TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	150
Nguyễn Như Bằng, Nguyễn Thị Xuân Hương, Ngô Thị Thủy, Hoàng Thị Dung: Thúc đẩy liên kết trong sản xuất và tiêu thụ cam Cao Phong, Hòa Bình.....	154
Hồ Viết Chiến: Phát triển các làng nghề truyền thống gắn với du lịch trải nghiệm trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	158
Nguyễn Hùng Cường, Nguyễn Vũ Hùng: Nghiên cứu về sử dụng nền tảng số Facebook và tăng quyền năng kinh tế cho phụ nữ tại Việt Nam.....	162
Hoàng Anh Tuấn, Phạm Quang Bình, Lê Văn Hiếu, Nguyễn Hải Nam, Nguyễn Bất Khánh, Nguyễn Thành Chung, Trần Hoàng Chung: Nghiên cứu khám phá tác động của quản trị an ninh công nghệ đến hạ tầng thiết yếu về nước: Nghiên cứu tại Quảng Ninh	166
Trương Đình Hải Thụy, Trương Đình Hồng Thụy, Nguyễn Thị Trần Lộc, Nguyễn Thị Thanh Tâm: Mức độ đáp ứng năng lực công nghệ thông tin của sinh viên theo nhu cầu doanh nghiệp	170

Các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ số lạm phát của Việt Nam: Phân tích sử dụng mô hình VECM

NGUYỄN THẾ LÂN*

Tóm tắt

Nghiên cứu này đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố: Tín dụng cho vay; Tỷ giá hối đoái, Giá trị xuất khẩu; Giá trị nhập khẩu và Lãi suất lên Chỉ số lạm phát của Việt Nam giai đoạn 2006-2022. Thông qua mô hình véc tơ điều chỉnh sai số (VECM), kết quả nghiên cứu cho thấy, có tồn tại mối liên hệ trong dài hạn giữa các biến trong mô hình. Trong các biến được đánh giá, Tín dụng cho vay là biến có tác động lớn nhất lên Chỉ số lạm phát. Việc có thêm các biến vĩ mô khác vào trong mô hình sẽ giúp đánh giá được sự biến động của Chỉ số lạm phát đầy đủ hơn.

Từ khóa: chỉ số lạm phát, mô hình VECM, Việt Nam

Summary

This study evaluates the influence of Credit, Exchange rate, Export value, Import value and Interest rate on Vietnam's Inflation index in the period 2006-2022. Through the vector error correction model (VECM), it indicates that there is a long-term relationship between the variables in the model. Among the assessed variables, Credit creates the largest impact on Inflation index. Adding other macro variables to the model helps to assess the volatility of Inflation index more fully.

Keywords: inflation index, VECM model, Vietnam

GIỚI THIỆU

Trong phác thảo tầm nhìn về phát triển của đất nước, Chính phủ nhấn mạnh, Việt Nam phải trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào dịp tròn 100 năm đất nước độc lập năm 2045. Trong đó, việc điều hành kiểm soát đảm bảo sự phát triển ổn định và bền vững của nền kinh tế nội địa là một trong những ưu tiên lớn. Trong những năm gần đây, việc bùng nổ phát triển kinh tế, chính sách nới lỏng định lượng về tài chính, cũng như biến động lớn của kinh tế thế giới đã kéo theo rủi ro về bùng nổ lạm phát trong nước. Việc nắm rõ các nhân tố và cơ chế tác động đến tình hình lạm phát nước ta là điều kiện tiên quyết để kiểm soát lạm phát một cách hiệu quả.

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm đánh giá các nhân tố có ảnh hưởng đến chỉ số lạm phát của Việt Nam trong thời gian gần đây thông qua việc sử dụng mô

hình VECM và các công cụ phân tích của mô hình, như: hàm đáp ứng xung IRF và phân tách phương sai.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Tổng quan các nghiên cứu

Trên thế giới, nhiều tác giả, như: Rogers (1995) và Sheeley (1986) đã đặt cơ sở phân tích cũng như đánh giá thực tế tình hình lạm phát ở các quốc gia khác nhau.

Ở Việt Nam, trong nghiên cứu của Huong (2015), tác giả sử dụng số liệu quý để đánh giá các nhân tố tác động đến lạm phát gồm: Tín dụng cho vay; Lãi suất, Thâm hụt ngân sách và Giá dầu. Kết quả cho thấy, trong ngắn hạn, các tác động của các nhân tố đó còn yếu và theo chiều hướng chưa rõ. Do đó, việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến chỉ số lạm phát của Việt Nam trong bối cảnh mới, với số liệu cập nhật và bao hàm thêm các biến giải thích khác có ý nghĩa thực tiễn cao. Dựa trên các nghiên cứu liên quan đến phân tích nhân tố ảnh hưởng Chỉ số lạm phát (INF), trong khuôn khổ bài viết này, tác giả đã xem xét sử dụng các biến giải thích, bao gồm: Tín dụng cho vay (CR); Tỷ giá hối đoái của USD theo VND (ER); Giá trị xuất khẩu (EX); Giá trị nhập khẩu (IM) và Lãi suất (IR).

* Khoa Kinh tế - Trường Đại học Vinh

Ngày nhận bài: 23/11/2022; Ngày phản biện: 15/12/2022; Ngày duyệt đăng: 20/12/2022

BẢNG 1: THỐNG KÊ MÔ TẢ CỦA CÁC CHỈ TIÊU PHÂN TÍCH

	INF	CR	ER	EX	IM	IR
Trung bình	129,8649	4,47E+09	20442,94	13421,73	13551,83	10,06873
Trung vị	143,0426	3,51E+09	21036,00	12183,00	12129,00	9,150000
Số lớn nhất	178,3920	1,15E+10	23256,50	34712,00	32663,00	20,25000
Số nhỏ nhất	62,45670	5,48E+08	15914,00	2416,000	2684,000	6,940000
Độ lệch tiêu chuẩn	35,08881	3,07E+09	2583,988	8289,476	7624,197	3,285690
Độ lệch	-0,554901	0,604907	-0,682887	0,638276	0,689318	1,180745
Độ nhọn	1,986037	2,226042	1,952370	2,429854	2,586686	3,695009
Jarque-Bera	18,73735	17,10289	24,56710	16,20733	17,17590	50,24476
Prob	0,000085	0,000193	0,000005	0,000302	0,000186	0,000000
Số quan sát	199	199	199	199	199	199

BẢNG 2: MA TRẬN TƯƠNG QUAN

	INF	CR	ER	EX	IM	IR
INF	1,000000	0,901933	0,984608	0,894146	0,884317	-0,604682
CR	0,901933	1,000000	0,867138	0,977663	0,979074	-0,624518
ER	0,984608	0,867138	1,000000	0,857485	0,843675	-0,571292
EX	0,894146	0,977663	0,857485	1,000000	0,990989	-0,619988
IM	0,884317	0,979074	0,843675	0,990989	1,000000	-0,609698
IR	-0,604682	-0,624518	-0,571292	-0,619988	-0,609698	1,000000

BẢNG 3: KIỂM ĐỊNH TÍNH DỪNG

Chuỗi số liệu	Loại kiểm định	Kiểm định ADF	
		Chuỗi gốc	Sai phân bậc 1
LnINF	Hệ số chặn	-2.582510	-6.498990***
	Hệ số chặn và xu hướng	-1.111559	-6.966236***
LnCR	Hệ số chặn	-1.562315	-10.39375***
	Hệ số chặn và xu hướng	-2.423350	-10.35312***
LnER	Hệ số chặn	-1.763787	-11.21979***
	Hệ số chặn và xu hướng	-0.743852	-11.37780***
LnEX	Hệ số chặn	-1.040960	-5.992150***
	Hệ số chặn và xu hướng	-5.866671***	-6.035768***
LnIM	Hệ số chặn	-1.459183	-14.31029***
	Hệ số chặn và xu hướng	-6.200542***	-14.29232***
LnIR	Hệ số chặn	-1.994266	-6.592433***
	Hệ số chặn và xu hướng	-3.021847	-6.575405***

Ghi chú: *** - có ý nghĩa thống kê ở mức ý nghĩa 0%

Nguồn: Tác giả tính toán

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp định lượng được sử dụng trong nghiên cứu này là mô hình véc tơ tự hồi quy VAR. Phương trình hồi quy của mô hình có dạng:

$$INF_t = \alpha + \beta CR_t + \gamma ER_t + \delta EX_t + \eta IM_t + \lambda IR_t + \epsilon_t \quad (1)$$

Trong đó: INF là biến Chỉ số lạm phát được tính bằng CPI; CR là Lượng tín dụng cho vay khu vực phi nhà nước (VND); ER là Tỷ giá hối đoái USD/VND; EX là Giá trị xuất khẩu (triệu USD); IM là Giá trị nhập khẩu (triệu USD); IR là Lãi suất VND của Việt Nam.

Để kiểm định tính dừng của các chuỗi số liệu, tác giả sử dụng kiểm định Augmented Dickey-Fuller (ADF, 1975) để xác định bậc tích hợp trong từng chuỗi. Khi bậc tích hợp của các chuỗi bằng nhau, giữa các chuỗi này có thể có hiện tượng đồng liên kết. Kiểm định đồng liên kết được thực hiện theo phương pháp

của Johansen và Juselius (1990), trong đó giữa các biến có hiện tượng đồng liên kết nếu có tồn tại 1 phương trình đồng liên kết giữa các biến.

Dựa vào giả thiết cho rằng, INF không chịu ảnh hưởng của các thay đổi cùng kỳ của các biến vĩ mô trong nước, tính động được áp dụng trong mô hình với các biến giải thích nằm ở các kỳ liền kề trước đó. Vì vậy, mô hình véc tơ tự hồi quy không cấu trúc có dạng như sau:

$$\Delta INF_t = \alpha_1 + \sum_{i=1}^p \beta_{1i} \Delta INF_{t-i} + \sum_{i=1}^p \gamma_{1i} \Delta CR_t + \sum_{i=1}^p \delta_{1i} \Delta ER_{t-i} + \sum_{i=1}^p \eta_{1i} \Delta EX_{t-i} + \sum_{i=1}^p \lambda_{1i} \Delta IM_{t-i} + \sum_{i=1}^p \nu_{1i} \Delta IR_{t-i} + \epsilon_{1t} \quad (2)$$

$$\Delta CR_t = \alpha_2 + \sum_{i=1}^p \beta_{2i} \Delta INF_{t-i} + \sum_{i=1}^p \gamma_{2i} \Delta CR_t + \sum_{i=1}^p \delta_{2i} \Delta ER_{t-i} + \sum_{i=1}^p \eta_{2i} \Delta EX_{t-i} + \sum_{i=1}^p \lambda_{2i} \Delta IM_{t-i} + \sum_{i=1}^p \nu_{2i} \Delta IR_{t-i} + \epsilon_{2t} \quad (3)$$

$$\Delta ER_t = \alpha_1 + \sum_{i=1}^p \beta_i \Delta INF_{t-i} + \sum_{i=1}^p \gamma_{li} \Delta CR_{t-i} + \sum_{i=1}^p \delta_i \Delta ER_{t-i} + \sum_{i=1}^p \eta_{li} \Delta EX_{t-i} + \sum_{i=1}^p \lambda_{li} \Delta IM_{t-i} + \sum_{i=1}^p \nu_{li} \Delta IR_{t-i} + \epsilon_{li} \quad (4)$$

$$\Delta EX_t = \alpha_1 + \sum_{i=1}^p \beta_i \Delta INF_{t-i} + \sum_{i=1}^p \gamma_{li} \Delta CR_{t-i} + \sum_{i=1}^p \delta_i \Delta ER_{t-i} + \sum_{i=1}^p \eta_{li} \Delta EX_{t-i} + \sum_{i=1}^p \lambda_{li} \Delta IM_{t-i} + \sum_{i=1}^p \nu_{li} \Delta IR_{t-i} + \epsilon_{li} \quad (5)$$

$$\Delta IM_t = \alpha_1 + \sum_{i=1}^p \beta_i \Delta INF_{t-i} + \sum_{i=1}^p \gamma_{li} \Delta CR_{t-i} + \sum_{i=1}^p \delta_i \Delta ER_{t-i} + \sum_{i=1}^p \eta_{li} \Delta EX_{t-i} + \sum_{i=1}^p \lambda_{li} \Delta IM_{t-i} + \sum_{i=1}^p \nu_{li} \Delta IR_{t-i} + \epsilon_{li} \quad (6)$$

$$\Delta IR_t = \alpha_1 + \sum_{i=1}^p \beta_i \Delta INF_{t-i} + \sum_{i=1}^p \gamma_{li} \Delta CR_{t-i} + \sum_{i=1}^p \delta_i \Delta ER_{t-i} + \sum_{i=1}^p \eta_{li} \Delta EX_{t-i} + \sum_{i=1}^p \lambda_{li} \Delta IM_{t-i} + \sum_{i=1}^p \nu_{li} \Delta IR_{t-i} + \epsilon_{li} \quad (7)$$

Trong trường hợp có đồng liên kết giữa các biến, mô hình véc tơ điều chỉnh sai số sẽ thêm biến ECT_{t-1} ở bên phải các mô hình trên. Cuối cùng, để đánh giá tác động giữa các biến kinh tế nghiên cứu này, tác giả cũng sử dụng kỹ thuật đáp ứng xung IRF và phân tác phương sai.

Nguồn số liệu

Số liệu đầu vào của nghiên cứu này được lấy từ cơ sở dữ liệu thống kê tài chính quốc tế IFS của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Số liệu tháng của các biến: Chỉ số lạm phát (INF), Tín dụng cho vay (CR); Tỷ giá hối đoái của USD theo VND (ER); Giá trị xuất khẩu (EX); Giá trị nhập khẩu (IM) và Lãi suất (IR) của Việt Nam bắt đầu từ tháng 01/2006 đến tháng 02/2022 với 199 quan sát. Các chuỗi số liệu được biến đổi về logarithm tự nhiên để giảm thiểu ảnh hưởng về độ lớn của số liệu.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Số liệu thống kê mô tả (Bảng 1) cho thấy, các biến gồm: Tín dụng cho vay (CR); Giá trị xuất khẩu (EX); Giá trị nhập khẩu (IM) và Lãi suất (IR) đều có độ lệch dương, tức lệch sang phải. Riêng biến Tỷ giá hối đoái (ER) và Chỉ số lạm phát (INF) lệch về trái. Tất cả các biến trừ Lãi suất (IR) đều có độ nhọn < 3, thể hiện phân phối của các biến có đỉnh thấp và tù hơn phân phối chuẩn và có 2 đuôi dài hơn.

Tiếp theo chúng ta có các hệ số tương quan giữa các biến (Bảng 2). Kết quả cho thấy, Chỉ số lạm phát (INF) có tương quan dương với các biến khác, trừ biến Lãi suất (IR). Giữa các biến còn lại, trừ biến Lãi suất (IR) có tương quan dương với nhau.

Kết quả của kiểm định ADF (Bảng 3) nhằm để kiểm định tính dừng cho thấy, tất cả các biến đều có bậc tích hợp là bậc 1, I(1) thích hợp để áp dụng mô hình VECM.

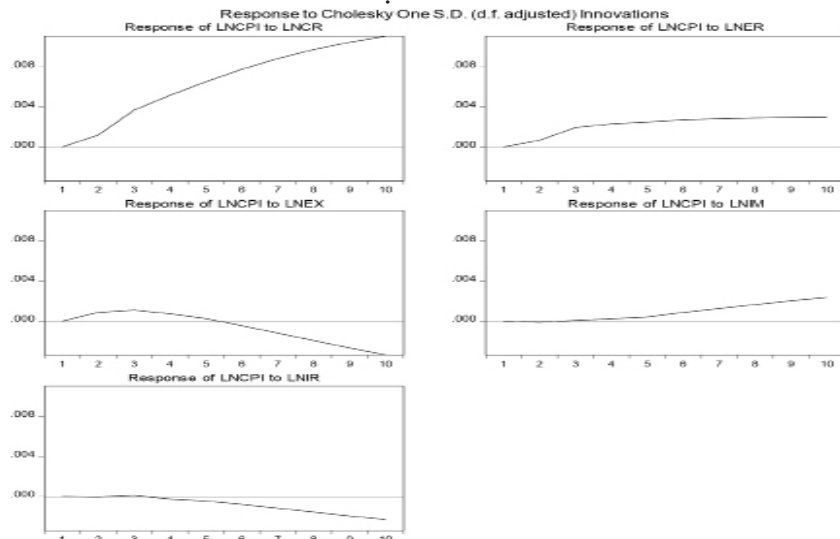
BẢNG 4: KIỂM ĐỊNH ĐỒNG LIÊN KẾT JOHANSEN

Giả thiết không	Giả thiết đối	Thống kê Max - Eigen	Giá trị tới hạn 5%	Thống kê Trace	Giá trị tới hạn 5%
0	1	59,38129	40,07757	185,1838	95,75366
≤ 1	2	46,80374	33,87687	125,8025	69,81889
≤ 2	3	34,65863	27,58434	78,99874	47,85613
≤ 3	4	26,59450	21,13162	44,34011	29,79707
≤ 4	5	16,05030	14,26460	17,74562	15,49471
≤ 5	6	1,695313	3,841466	1,695313	3,841466

BẢNG 5: KẾT QUẢ ƯỚC LƯỢNG VECM

	ΔINF	ΔCR	ΔER	ΔEX	ΔIM	ΔIR
ECT(-1)	0,004371	-0,024907	-0,006338	-0,325680	-0,249133	-0,063173
	[1,91427]	[-4,84798]	[-2,03390]	[-6,06188]	[-4,69984]	[-3,10713]
ΔINF (-1)	0,552849	0,104804	0,068483	3,471779	0,596851	1,703174
	[7,75851]	[0,65373]	[0,70423]	[2,07087]	[0,36083]	[2,68454]
ΔINF (-2)	-0,008519	0,051995	0,038714	0,232343	1,544114	-0,138277
	[-0,12338]	[0,33472]	[0,41086]	[0,14303]	[0,96341]	[-0,22493]
ΔCR (-1)	0,106061	0,143456	-0,006412	-1,826869	-0,751431	-0,266362
	[2,86844]	[1,72450]	[-0,12706]	[-2,10003]	[-0,87547]	[-0,80910]
ΔCR (-2)	0,173434	0,084552	-0,028187	-4,336958	-3,324963	0,215788
	[4,82198]	[1,04488]	[-0,57425]	[-5,12513]	[-3,98238]	[0,67384]
ΔER (-1)	0,133968	-0,296515	0,196831	0,298317	-1,156770	-0,186933
	[2,41079]	[-2,37169]	[2,59543]	[0,22817]	[-0,89675]	[-0,37782]
ΔER (-2)	0,128267	-0,046858	-0,087399	-2,861413	-1,105791	-0,182913
	[2,26287]	[-0,36743]	[-1,12981]	[-2,14563]	[-0,84039]	[-0,36243]
ΔEX (-1)	0,001983	-0,003747	0,013133	-0,310816	-0,048250	0,091656
	[0,37036]	[-0,31105]	[1,79737]	[-2,46741]	[-0,38821]	[1,92267]
ΔEX (-2)	-0,001143	0,006788	0,011864	0,075345	0,211821	0,048533
	[-0,23835]	[0,62916]	[1,81286]	[0,66781]	[1,90284]	[1,13669]
ΔIM (-1)	0,002010	0,010917	-0,012265	-0,073185	-0,380157	-0,020956
	[0,37356]	[0,90175]	[-1,67012]	[-0,57805]	[-3,04330]	[-0,43737]
ΔIM (-2)	0,003045	-0,011324	-0,009808	-0,190348	-0,258658	-0,013651
	[0,59107]	[-0,97695]	[-1,39495]	[-1,57032]	[-2,16272]	[-0,29758]
ΔIR (-1)	-0,003669	-0,036910	-0,021971	0,075522	0,118577	0,106467
	[-0,44154]	[-1,97444]	[-1,93753]	[0,38632]	[0,61477]	[1,43913]
ΔIR (-2)	0,011730	-0,001710	0,017065	-0,093688	-0,117968	0,147736
	[1,41425]	[-0,09164]	[1,50765]	[-0,48012]	[-0,61272]	[2,00058]
C	-0,002463	0,011621	0,001644	0,098753	0,073443	-0,009376
	[-3,00286]	[6,29651]	[1,46822]	[5,11648]	[3,85659]	[-1,28370]
R ²	0,615218	0,364446	0,118628	0,474548	0,365311	0,276597
Thống kê F	22,38426	8,028041	1,884322	12,64375	8,058057	5,352971
AIC	-7,730421	-6,108725	-7,108528	-1,414104	-1,440980	-3,357530

HÌNH: ĐỒ THỊ ĐÁP ỨNG XUNG IRF



Nguồn: Tác giả tính toán

BẢNG 6: PHÂN TÁCH PHƯƠNG SAI CỦA IIP

Period	S.E.	Δ INF	Δ CR	Δ ER	Δ EX	Δ IM	Δ IR
1	0,004900	100,0000	0,000000	0,000000	0,000000	0,000000	0,000000
2	0,009108	96,88971	1,679231	0,523626	0,884985	0,019613	0,002837
3	0,013598	88,60540	8,074197	2,252280	1,048226	0,011366	0,008532
4	0,017914	83,26181	12,98398	2,943458	0,762257	0,022900	0,025595
5	0,022019	78,81461	17,34155	3,219365	0,517603	0,048681	0,058189
6	0,025958	74,47718	21,43991	3,396584	0,404368	0,145971	0,135989
7	0,029700	70,25528	25,22583	3,490852	0,478019	0,289842	0,260176
8	0,033275	66,16671	28,66644	3,537663	0,726986	0,474792	0,427417
9	0,036699	62,27831	31,70378	3,549553	1,140779	0,693727	0,633856
10	0,039980	58,63483	34,35642	3,535577	1,674735	0,931227	0,867211

Nguồn: Tác giả tính toán

Tiếp theo phương pháp phát hiện đồng liên kết của Johansen - Juselius (1990) được sử dụng để kiểm tra xem liệu có tồn tại ít nhất 1 tổ hợp tuyến tính giữa các biến là $I(0)$ hay không. Kết quả của kiểm định này với 2 thống kê Max-Eigen và Trace (Bảng 4). Với giả thiết không là không có đồng liên kết, ta thấy giả thiết này bị bác bỏ khi so sánh cả 2 thống kê nói trên với giá trị tới hạn. Như vậy, có thể kết luận, có đồng liên kết giữa các biến.

Kết quả ước lượng của mô hình vec tơ điều chỉnh sai số VECM sử dụng cấu trúc độ trễ tối đa bậc 2 (Bảng 5).

Hệ số gắn với số hạng điều chỉnh sai số ECT có ý nghĩa thống kê đối với phương trình hồi quy của tất cả các biến. Kết quả này cho thấy, có mối liên quan nhân quả giữa các biến.

Như đã được chỉ ra trong các nghiên cứu đi trước sử dụng mô hình VECM, việc giải thích các hệ số trong mô hình này gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, ở đây, chúng ta sử dụng hàm đáp ứng xung IRF và phương pháp phân tách phương sai để đánh giá tác động có tính động của các biến trong mô hình. Hàm đáp ứng xung tính toán phản ứng động đối với 1 biến động trong 1 biến lên chính nó và các biến khác theo thời gian. Kết quả của hàm đáp ứng xung của Chỉ số lạm phát (INF) đối với sự biến động của các biến khác được thể hiện ở Hình. Có thể thấy rằng, với biến động

ở mức 1 độ lệch tiêu chuẩn của Tín dụng cho vay (CR) gây tác động dương lên Chỉ số lạm phát (INF) về trung hạn và dài hạn. Trong trường hợp của Tỷ giá hối đoái (ER) và Giá trị nhập khẩu (IM) biến động, thì trong trung hạn và dài hạn cũng có tác động dương lên Chỉ số lạm phát (INF). Lãi suất (IR) có tác động âm lên Chỉ số lạm phát (INF) chỉ rõ ràng trong dài hạn.

Vì hàm đáp ứng xung không thể hiện được rõ mức độ tác động của các biến lên Chỉ lạm phát, nên ở đây chúng ta sử dụng kỹ thuật phân tách phương sai và kết quả cụ thể được trình bày ở Bảng 6. Sự biến thiên của Chỉ số lạm phát (INF) được giải thích chủ yếu bởi chính biến này ở mức độ trên 58,63% trong khoảng thời gian 10 tháng được phân tích. Tín dụng cho vay (CR) có ảnh hưởng tương đối từ 21,43% từ tháng thứ 6 trở lên.

KẾT LUẬN

Bài viết đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố kinh tế vĩ mô bao gồm: Tín dụng cho vay; Tỷ giá hối đoái; Giá trị xuất khẩu; Giá trị nhập khẩu và Lãi suất lên Chỉ số lạm phát ở Việt Nam với nguồn số liệu tháng trong giai đoạn 2006-2022. Sử dụng mô hình vec tơ điều chỉnh sai số VECM để phân tích, kết quả cho thấy:

Thứ nhất, các biến giải thích có mối liên hệ với nhau trong dài hạn.

Thứ hai, mức tín dụng cho vay có ảnh hưởng đáng kể lên chỉ số lạm phát kể cả trong ngắn hạn. Vì độ mở của nền kinh tế nước ta ngày càng lớn và thuộc top đầu của khu vực Đông Nam Á, do đó nghiên cứu này có thể mở rộng trong tương lai bằng việc đưa vào thêm các nhân tố tác động khác từ bên ngoài của nền kinh tế thế giới. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dickey, D. A., and Fuller, W. A. (1979). Distribution of the Estimators for Autoregressive Time Series with a Unit Root, *The American Statistical Association*, 74, 427-431
2. Johansen, S., and Juselius, K. (1990). Maximum Likelihood Estimation and Inference on Cointegration--With Applications to the Demand for Money, *Oxford Bulletin of Economics and Statistics*, 52(2), 169-210
3. Huong, H. C, Phan (2015). Factors affecting inflation in Vietnam: VECM model, *Journal of economic development*, 22(4), 26-50
4. Rogers, J. H., and Wang, P. (1995). Real exchange rate movements in countries with inflation, *International Finance Discussion Papers*, 501, 1-43
5. Sheeley, C. A. (1986). Unanticipated inflation, devaluation and output in Latin America, *World Development*, 14(5), 665-671